

# MỘT SỐ KHÓ KHĂN TRONG HÌNH THÀNH KĨ NĂNG HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN NĂM THỨ NHẤT Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

ThS. VŨ THỊ THÚY\*

1. Sinh viên (SV) năm thứ nhất là thanh niên từ 17, 18 tuổi trở lên, đã qua kì thi vào các trường đại học, cao đẳng (ĐH, CĐ) chuyên nghiệp trên toàn quốc và hiện đang là SV của nhà trường đó. Lứa tuổi SV là giai đoạn các em đã gần đạt đến sự trưởng thành về thể chất, sinh lí và tiếp tục trưởng thành, hoàn thiện về mặt xã hội, nhân cách. SV năm thứ nhất khi bước vào một môi trường sống mới, học tập mới thường gặp phải không ít những khó khăn, như: sự thay đổi về môi trường sống; thay đổi trong mối quan hệ, bạn bè, thầy cô; đặc biệt những đòi hỏi cao về chất và lượng ở bậc ĐH, buộc các em phải nỗ lực để đáp ứng những yêu cầu đó... Vì vậy, giai đoạn SV là một bước ngoặt, có ý nghĩa chuyển tiếp quan trọng trong cuộc đời mỗi con người.

Cũng như với học sinh phổ thông, SV phải học tập, nghiên cứu, tìm kiếm, khai thác tri thức...; bên cạnh đó, SV phải tự học, tự nghiên cứu trên cơ sở tự duy độc lập. Về bản chất, quá trình học tập của SV ở bậc ĐH là quá trình *nhận thức có tính nghiên cứu*. Điều này đã được cụ thể hóa trong **Luật Giáo dục**: *"Phương pháp giáo dục ĐH phải coi trọng bồi dưỡng năng lực tự học, tự nghiên cứu, tạo điều kiện cho người học phát triển tư duy sáng tạo, rèn luyện kĩ năng (KN) thực hành, tham gia nghiên cứu, thực nghiệm, ứng dụng"* (1). Vì vậy, dù với phương thức đào tạo nào, SV cũng phải có "năng lực tự học". Trong những năm gần đây, thực hiện chủ trương của đổi mới giáo dục ĐH, nhiều trường ĐH đang triển khai mô hình đào tạo theo học chế tín chỉ. Phương thức đào tạo này coi trọng vai trò trung tâm của SV, tạo cho SV năng lực chủ động, sáng tạo trong phương pháp học của mình. Đồng thời, trong xu thế mở cửa, hội nhập quốc tế, công nghệ thông tin phát triển, sự giao lưu giữa các nền văn hoá trên thế giới đã tạo điều kiện và đặt ra nhiều thách thức đối với SV, buộc họ luôn phải nỗ lực trên con đường học tập.

SV là lớp người giàu nghị lực, có ước mơ, hoài bão, lí tưởng. Tuy nhiên, do quy luật phát triển không

đồng đều về mặt tâm lí, do những điều kiện, hoàn cảnh sống, không phải bất cứ SV nào cũng được phát triển tối ưu trong suy nghĩ và hành động. Khó khăn trong học tập của SV (đặc biệt là SV năm thứ nhất) ảnh hưởng rất nhiều đến kết quả học tập, tâm lí học đường và sự hòa nhập vào môi trường mới; ảnh hưởng đến bản lĩnh và sự tự tin của SV trên con đường xây dựng "kế hoạch đường đời" của họ.

## 2. Những khó khăn trong hình thành KN học tập ở SV năm thứ nhất Trường ĐH Tây Bắc

Trong quá trình tìm kiếm, nhận diện những khó khăn khi học tập của SV, chúng tôi quan tâm đến các KN trong học tập, bởi, nếu SV hình thành cho mình những KN học tập tốt thì sẽ lĩnh hội tri thức và hình thành năng lực tương ứng. Điều này đặc biệt có ý nghĩa đối với SV năm thứ nhất. Chúng tôi đã xác định được một số KN học tập cơ bản cần có ở SV năm thứ nhất, gồm: - KN kết hợp giữa nghe giảng và ghi chép; - Thích ứng với môi trường học tập mới; - Xây dựng kế hoạch học tập; - Tự học; - Khai thác thông tin từ giáo trình, tài liệu tham khảo, các nguồn khác; - Làm việc nhóm; - Giải quyết nhiệm vụ học tập; - Kiểm tra, đánh giá bản thân.

Để tìm hiểu thực trạng khó khăn trong hình thành KN học tập của SV năm thứ nhất, chúng tôi sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi với 4 mức độ để SV lựa chọn trả lời và quy ước cho điểm như sau: - *Mức 1*: Rất khó khăn: 4 điểm; - *Mức 2*: Tương đối khó khăn: 3 điểm; - *Mức 3*: Khó khăn ở mức bình thường: 2 điểm; - *Mức 4*: Ít gặp khó khăn: 1 điểm.

Sau khi điều tra trên nhóm khách thể gồm 200 SV năm thứ nhất Trường ĐH Tây Bắc (năm học 2013-2014) chúng tôi thu được kết quả như sau:

1) **100% SV năm thứ nhất đều gặp phải những khó khăn trong học tập**, đặc biệt là khó khăn đối với các KN học tập ở bậc ĐH.

2) **Mức độ khó khăn ở các KN, từng SV là khác nhau** (xem bảng 1):

\* Bộ môn Tâm lí - Giáo dục, Trường Đại học Tây Bắc

Bảng 1. Mức độ khó khăn trong KN học tập của SV năm thứ nhất Trường ĐH Tây Bắc

STT	KN học tập	Điểm	Điểm TB ( $\bar{X}$ )	Thứ bậc
1	KN kết hợp giữa nghe giảng và ghi chép	154	0,45	2
2	KN thích ứng với môi trường học tập mới	40	0,12	8
3	KN xây dựng kế hoạch học tập	128	0,40	3
4	KN tự học	176	0,55	1
5	KN khai thác thông tin từ giáo trình, tài liệu tham khảo và các nguồn khác	80	0,25	5
6	KN làm việc nhóm	72	0,23	6
7	KN giải quyết nhiệm vụ học tập	104	0,33	4
8	KN kiểm tra, đánh giá bản thân	48	0,15	7

Mức độ khó khăn trong KN học tập của SV năm thứ nhất không có sự chênh lệch nhiều ở hầu hết các KN. Điều đó thể hiện qua điểm số và điểm trung bình ở các KN không chênh lệch nhau nhiều. KN mà SV gặp khó khăn nhiều nhất khi thay đổi môi trường học tập từ bậc phổ thông lên bậc ĐH là *KN tự học* ( $\bar{X} = 0,55$ ), xếp thứ nhất. Theo yêu cầu đào tạo ở ĐH, SV (người học tập, nghiên cứu, tìm kiếm, khai thác tri thức...) có nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu trên cơ sở tư duy độc lập dưới sự hướng dẫn, định hướng của giảng viên. Vì vậy, SV năm thứ nhất thường gặp khó khăn trong quá trình hình thành *KN tự học cho bản thân*. Ngoài ra, việc kết hợp giữa nhiều thao tác, nhiều giác quan sẽ giúp các em học tập đạt hiệu quả cao, vì vậy, *nghe giảng và ghi chép* là KN quan trọng và cần thiết. Tuy nhiên, qua khảo sát thực tế, SV chưa biết kết hợp sử dụng hai thao tác này mà thường chỉ chăm chú nghe giảng, quên ghi chép kiến thức.

*KN xây dựng kế hoạch học tập* là khả năng hoạch định những mục tiêu chiến lược học tập lâu dài và trước mắt. Thông qua quá trình xác định mục tiêu, xây dựng kế hoạch học tập cho từng kì, từng khóa học hay từng năm..., SV sẽ có căn cứ, cơ sở để thực hiện; đồng thời, dự kiến những khó khăn, thách thức, cơ hội ở phía trước để có một tâm thế sẵn sàng nhằm đạt kết quả học tập tốt nhất. Trong nghiên cứu thực trạng, *xây dựng kế hoạch học tập* là KN còn yếu ở SV năm thứ nhất ( $\bar{X} = 0,40$ ), xếp ở bậc 3, chứng tỏ, SV chưa xây dựng cho mình kế hoạch học tập lâu dài. Điều này sẽ ảnh hưởng rất nhiều đến quá trình thực hiện và kết quả đạt được.

Kết quả khảo sát cho thấy, SV năm thứ nhất gặp nhiều khó khăn trong hình thành KN học tập. Điều này ảnh hưởng đến quá trình, hứng thú, kết quả học tập của bản thân, nhà trường và xã hội.

### 3. Những yếu tố ảnh hưởng đến quá trình hình thành KN học tập ở SV năm thứ nhất (xem bảng 2)

Bảng 2. Yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành KN học tập ở SV năm thứ nhất

STT	Yếu tố ảnh hưởng	SL	%	Thứ bậc
1	Do tâm lí nghỉ xả hơi sau một thời gian học tập, ôn thi ĐH căng thẳng	29	14,5	5
2	Do thay đổi môi trường học tập mới về nội dung, phương pháp và những yêu cầu cao ở bậc ĐH	55	27,5	1
3	Do môn học ở trường ĐH thường mang tính trừu tượng và khái quát cao	51	25,5	2
4	Cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện dạy học của nhà trường chưa đáp ứng được hoạt động dạy và học	26	13,0	4
5	Bị ảnh hưởng bởi những yếu tố từ môi trường sống và những phương tiện truyền thông chi phối thời gian dành cho học tập	39	19,5	3

Mức độ ảnh hưởng của các yếu tố tác động đến sự hình thành KN ở SV năm thứ nhất là không đồng đều. Có những nguyên nhân khách quan và chủ quan; trong đó, *nguyên nhân khách quan* ảnh hưởng nhiều hơn tới các em (chiếm 53,0%), xếp ở thứ bậc 1, 2. Điều đó cho thấy, đã có ảnh hưởng từ sự "thay đổi môi trường học tập" với tính chất phổ thông sang môi trường học tập chuyên nghiệp ở bậc ĐH. Những thay đổi về "nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học" đã làm SV gặp không ít khó khăn. Bản thân các môn học ở trường ĐH cũng mang tính trừu tượng và khái quát cao, nên các em phải dần tiếp cận với sự thay đổi, vì vậy cũng ảnh hưởng đến quá trình hình thành KN học tập.

Những yếu tố từ "môi trường sống, văn hóa, kinh tế, mối quan hệ" và đặc biệt là những "phương tiện truyền thông công nghệ cao" đã ảnh hưởng và chi phối đến giáo dục trong nhà trường (chiếm 19,5%), xếp ở thứ bậc 3. Xã hội hiện đại luôn chịu sự ảnh hưởng tích cực của công nghệ cao, trong đó có công nghệ thông tin. Hệ thống truyền thông này tác động mạnh mẽ tới nhà trường, tạo nên sự tác động có tính chất hai mặt (tích cực và tiêu cực). Số lượng SV sử dụng máy tính, smartphone phục vụ cho nhu cầu giao lưu, giải trí hiện nay là một con số đáng báo động.

Những nguyên nhân chủ quan xuất phát từ phía bản thân cũng được người học đề cập (chiếm 14,5%), xếp ở thứ bậc 5. Tâm lí nghỉ xả hơi sau 12 năm học phổ thông và đặc biệt là sau kì thi tuyển sinh ĐH, CĐ căng thẳng là có ở các em SV năm thứ nhất. Khi đổ vào một trường ĐH nào đó, trở thành SV, các em khá

(Xem tiếp trang 26)

SV các năm học thứ nhất, hai, ba. Điều này do SV các năm được học nội dung chương trình khác nhau, càng SV năm cuối, họ được trang bị nhiều môn học hơn nên sự nhận thức và hành vi của họ tốt hơn.

4. Đa số các LLGD đều có nhận thức tốt về việc đưa tư tưởng ĐĐ của Hồ Chí Minh vào GDĐNN cho SVBC. Tuy nhiên, sự nhận thức tốt nhưng việc thực hiện lại chưa tốt. ĐĐ của SV chỉ đạt ở mức độ trung bình, nhiều SV chưa hiểu và không có ý thức tìm hiểu và học tập, làm theo tư tưởng ĐĐ của Hồ Chí Minh, nhiều SV được phỏng vấn và trả lời rằng tư tưởng ĐĐ của Hồ Chí Minh là cái gì đó lạc hậu và xa lạ. Nguyên nhân vì chưa có một môn học cụ thể về ĐĐ Hồ Chí Minh mà chủ yếu các môn đều học theo kiểu lồng ghép, nội dung về ĐĐ của Hồ Chí Minh chưa có môn riêng nên sẽ khó khăn trong việc giảng dạy và vận dụng ĐĐ của Người vào GDĐNN cho SVBC. Nhiều SV sau khi vào trường tiếp xúc với những cái mới, sự tác động của cuộc sống đô thị thường thay đổi suy nghĩ về nghề nghiệp. Họ tự hào về ngành nghề mình học, họ cũng hướng đến rèn KN viết báo và nhiều KN khác của nghề nghiệp nhưng ít chuyên tâm đến rèn luyện tri thức, đặc biệt ngày nay nhiều SVBC thờ ơ với các môn học ngoài chuyên ngành, nên vốn kiến thức xã hội của họ cũng bị hạn chế.

Nhiều nội dung giáo dục trong tư tưởng ĐĐ của Hồ Chí Minh vẫn chưa được sử dụng thường xuyên trong quá trình giảng dạy của các LLGD vì nhiều nhà giáo có tư tưởng hướng đến KN nhiều hơn là tri thức và ĐĐ, đôi khi những KN sư phạm còn thiếu và yếu. Họ chỉ cần SV viết được bài và đánh giá cao KN. Không quan tâm nhiều đến tư tưởng ĐĐ của Hồ Chí Minh trong việc giảng dạy cho SV học tập và làm theo. Một phần không nhỏ SVBC, bản thân họ hiểu biết về Hồ Chí Minh nhưng lại ít đọc các tác phẩm BC của Người, và làm theo những tư tưởng ĐĐ đó. Đôi khi họ làm theo phong trào mà không hiểu bản chất và chưa có ý thức vận dụng những tư tưởng của Người trong các bài viết, việc làm của mình. Vì thế, vấn đề đặt ra đối với quá trình đào tạo SVBC, những nhà báo tương lai, phải nâng cao được nhận thức về tầm quan trọng của việc học tập và vận dụng những tư tưởng trong giáo dục ĐĐ của Hồ Chí Minh trong cuộc sống, công việc nghề nghiệp tương lai của mình, để họ trở thành những cán bộ tốt, nhà báo có tâm và có tài. □

#### Tài liệu tham khảo

1. Hồ Chí Minh toàn tập (tập 6). NXB Chính trị quốc gia, H. 2000.
2. E.P.ProKhorop. Cơ sở lý luận báo chí. NXB Thông tấn, H. 2004.

3. Học tập đạo đức cách mạng Hồ Chí Minh. NXB Thông tấn, H. 2007.

4. Tạ Ngọc Tấn. Hồ Chí Minh bàn về báo chí. NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, H. 2010.

#### SUMMARY

*The actual situation of moral career education for journalistic student according to Ho Chi Minh's Thoughts was implemented in universities with an average level. The survey found that the moral career of students is not high, there are many issues raised today. Thus, the moral career education for journalistic student according to Ho Chi Minh's Thoughts is needed and must be implemented widely.*

## Một số khó khăn trong hình thành...

(Tiếp theo trang 20)

hài lòng với những gì mình vừa đạt được nên có đôi chút "thả lỏng", vì vậy ảnh hưởng đến quá trình học tập và sự hình thành KN học tập của bản thân.

\* \* \*

Hình thành KN học tập sẽ giúp SV năm thứ nhất biết cách học, tích cực chủ động trên con đường khám phá chân trời tri thức. Tuy nhiên, qua khảo sát thực tế, SV năm thứ nhất chưa tìm ra được cho riêng mình cách học, phương pháp học phù hợp và hiệu quả trong môi trường giáo dục ĐH. Điều này ảnh hưởng rất nhiều đến chất lượng giáo dục. Tìm ra những yếu tố ảnh hưởng, chi phối đến quá trình hình thành KN học tập và những biện pháp khắc phục sẽ dần cải thiện thực trạng này, giúp SV năm thứ nhất hòa nhập với môi trường học tập ở bậc ĐH. □

(1) Luật Giáo dục. NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, H. 2010.

#### Tài liệu tham khảo

1. Dương Diệu Hoa (chủ biên). Tâm lý học phát triển. NXB Giáo dục Việt Nam, H. 2012.
2. Nguyễn Thạch. Tâm lý học dạy học đại học. NXB Giáo dục Việt Nam, H. 2013.
3. Nguyễn Văn Hồng. Tâm lý học lứa tuổi - sư phạm. NXB Đại học sư phạm, H. 2006.
4. Trần Bá Hoàng. Đánh giá trong giáo dục. NXB Giáo dục Việt Nam, H. 2010.

#### SUMMARY

*Study Skills is the ability to apply knowledge and understanding of the learning process in order to solve the task of learning to achieve academic goals set. Forming their own learning skills to help first-year students studying high results. However, due to many factors governing how well students are not quickly adapt to the learning environment at the university, which affects the psychological way, the adaptive learning environment for new students freshman.*